

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2016

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 52 Lĩnh Nam - P. Mai Động - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103007179, cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn ./)

Trụ sở công ty: Số 52 Lĩnh Nam - P. Mai Động - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp đặt máy móc, thiết bị cho các công trình;
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất kinh doanh cấu kiện kim loại cho xây dựng xà gồ thép, thép mạ kẽm, thép mạ màu, tấm lợp kim loại, các phụ kiện từ thép mạ kẽm, thép mạ màu;
- Chế tạo và lắp đặt thiết bị nâng, nồi hơi, bồn, bể áp lực dung tích lớn;
- Chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và thiết bị đồng bộ cho các công trình công nghiệp;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì thang máy;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng chế biến lương thực thực phẩm, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh khách sạn.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2016 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Hoài Hiệp	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thùy Linh	Thành viên
Ông Ngô Anh Thủy	Thành viên
Ông Vũ Công Khải	Thành viên
Ông Hoàng Thế Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phạm Kiều Hưng	Tổng Giám đốc	<i>(bổ nhiệm ngày 28/10/2016)</i>
Ông Đặng Quốc Tùng	Tổng Giám đốc	<i>(miễn nhiệm ngày 28/10/2016)</i>
Ông Đặng Quốc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	<i>(bổ nhiệm ngày 01/11/2016)</i>
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc	<i>(bổ nhiệm ngày 01/11/2016)</i>
Ông Hoàng Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	<i>(bổ nhiệm ngày 16/02/2017)</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả, đầu tư ngắn hạn, giá trị hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và tính hợp pháp của các khoản chi phí phát sinh đã được ghi nhận trong kỳ kế toán;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Phạm Kiều Hưng**Tổng giám đốc***Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017*

Số : 7082-17/BCKT-TC/OCA

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016
của Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính 2016 được lập ngày 30/03/2017 của Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 29 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02-03, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thu hồi đủ khoản phải thu về cổ tức đã tạm ứng không đúng quy định, số tiền 4.822.076.667 đồng; và chưa ghi nhận việc phải thu về chi phí tiền lương năm 2011, 2012 vượt so với quy định, số tiền 30.365.169.984 đồng. Đồng thời, Công ty vẫn chưa xử lý được các khoản lỗ tiền ẩn đang được phản ánh trên chỉ tiêu “Tài sản thiếu chờ xử lý”, số tiền 11.169.862.186 đồng mà kết luận của Thanh tra Bộ xây dựng đã nêu.

Chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là số tạm tính. Chỉ tiêu này sẽ được xác định lại khi có quyết toán với cơ quan quản lý Nhà nước.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.32 về số lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31/12/2016 là hơn 613 tỷ đồng, gấp hơn 06 lần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Đồng thời, Báo cáo tài chính của Công ty chưa ghi nhận một số nghiệp vụ theo kết luận của Thanh tra Bộ xây dựng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào phương án tái cấp vốn của chủ sở hữu và việc cơ cấu lại các khoản nợ của chủ nợ.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Long Giang

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3394-2015-129-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI DƯƠNG

Phạm Thị Phương Nhung

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2569-2013-129-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		140.523.497.637	151.921.416.862
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.104.905.201	4.565.633.783
1 Tiền	111		2.104.905.201	819.671.403
2 Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	3.745.962.380
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	104.259.092.929	116.885.300.064
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		121.759.051.102	122.247.700.402
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.680.320.384	5.908.658.950
6 Các khoản phải thu khác	136		13.394.482.704	12.111.691.894
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(64.625.326.005)	(46.468.423.718)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		25.050.564.744	23.085.672.536
IV Hàng tồn kho	140	V.3	19.871.382.043	27.478.758.495
1 Hàng tồn kho	141		21.295.655.863	28.903.032.315
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.424.273.820)	(1.424.273.820)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.288.117.464	2.991.724.520
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.199.635.463	2.903.242.519
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.4	88.482.001	88.482.001
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		473.585.014.641	443.890.986.298
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.020.920.321
6 Phải thu dài hạn khác	216		-	2.020.920.321
II Tài sản cố định	220		7.909.616.781	10.868.429.125
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	7.909.616.781	10.868.429.125
- Nguyên giá	222		37.392.001.206	40.716.574.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.482.384.425)	(29.848.145.259)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		409.567.407.411	378.896.601.677
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	409.567.407.411	378.896.601.677
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	47.489.571.119	43.317.780.074
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.489.571.119	45.000.000.000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.682.219.926)
VI Tài sản dài hạn khác	260		8.618.419.330	8.787.255.101
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	529.446.060	873.394.466
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.088.973.270	7.913.860.635
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		614.108.512.278	595.812.403.160

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.103.465.157.766	1.039.116.215.959
I Nợ ngắn hạn	310		969.527.859.731	905.550.720.983
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	65.760.721.059	42.305.401.353
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	476.324.828.222	454.749.051.176
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	103.680.049.859	101.736.664.229
4 Phải trả người lao động	314		1.678.498.258	3.487.191.625
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	24.081.125.108	10.935.567.879
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	153.110.782.440	146.493.207.475
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	145.135.484.495	146.087.266.956
12 Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(243.629.710)	(243.629.710)
II Nợ dài hạn	330		133.937.298.035	133.565.494.976
7 Phải trả dài hạn khác	337		417.655.700	417.655.700
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	127.506.993.653	127.506.993.653
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		6.012.648.682	5.640.845.623
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		(489.356.645.488)	(443.303.812.799)
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(489.356.645.488)	(443.303.812.799)
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		24.250.520.121	24.250.520.121
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(613.607.165.609)	(567.554.332.920)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		614.108.512.278	595.812.403.160

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Tổng giám đốc



Phạm Thị Thu Trang



Phạm Kiều Hưng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

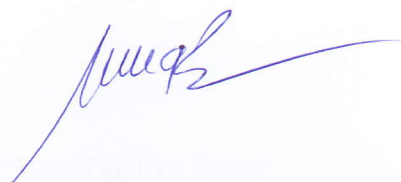
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	34.312.768.047	56.639.596.608
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18	34.312.768.047	56.639.596.608
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19	25.034.640.163	44.939.164.279
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.278.127.884	11.700.432.329
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	266.183.940	178.859.780
7 Chi phí tài chính	22	VI.21	21.788.129.782	8.270.788.845
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.470.349.708	14.534.275.056
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.860.541.126	16.970.524.188
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(35.104.359.084)	(13.362.020.924)
11 Thu nhập khác	31	VI.22	831.157.097	12.086.838.012
12 Chi phí khác	32	VI.23	11.779.630.702	19.171.542.449
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(10.948.473.605)	(7.084.704.437)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(46.052.832.689)	(20.446.725.361)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	175.112.635	34.517.620
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(175.112.635)	(34.517.620)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(46.052.832.689)	(20.446.725.361)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

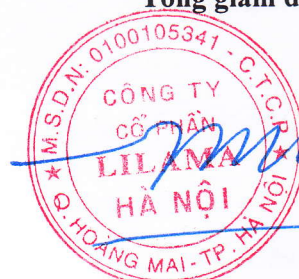
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Thị Thu Trang



Phạm Kiều Hưng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		47.799.980.058	50.861.421.513
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.848.554.874)	(33.069.973.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.426.995.526)	(19.519.217.260)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(23.617.978)	(410.687.533)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(8.315.698)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.110.525.399	3.199.763.993
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.386.867.043)	(3.345.156.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.224.470.036	(2.292.164.893)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(52.339.664)	(2.069.741.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	395.557.878
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		248.521.880	178.859.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		196.182.216	(1.495.324.251)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		508.198.000	5.262.516.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.389.578.834)	(5.002.633.539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.881.380.834)	259.882.461
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.539.271.418	(3.527.606.683)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.565.633.783	8.093.240.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14.104.905.201	4.565.633.783

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Thị Thu Trang



Phạm Kiều Hưng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103007179, cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn ./)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng công trình công nghiệp, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp đặt máy móc, thiết bị cho các công trình;
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất kinh doanh cấu kiện kim loại cho xây dựng xà gồ thép, thép mạ kẽm, thép mạ màu, tấm lợp kim loại, các phụ kiện từ thép mạ kẽm, thép mạ màu;
- Chế tạo và lắp đặt thiết bị nâng, nồi hơi, bồn, bể áp lực dung tích lớn;
- Chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và thiết bị đồng bộ cho các công trình công nghiệp;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì thang máy;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng chế biến lương thực thực phẩm, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh khách sạn.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (năm)**

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
TSCĐ khác	04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của thành viên góp vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

7.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

7.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

7.3 Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỉ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.**7.4** Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, gồm: chi phí lãi vay phải trả đã trừ đi phần chi phí lãi vay vốn hoá vào giá trị công trình và chênh lệch tỷ giá.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hiện tại, Công ty vay vốn dài hạn phục vụ Dự án 52 Lĩnh Lam, khoản lãi vay tương ứng với hợp đồng vay này, Công ty đang hạch toán vào chi phí lãi vay trong kỳ. Đề nghị, Công ty tách khoản lãi vay phục vụ Công trình 52 Lĩnh Lam để vốn hoá vào chi phí đầu tư của Dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

*(tiếp theo)***9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng hóa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	945.937.192	46.971.978
Tiền gửi ngân hàng	1.158.968.009	772.699.425
Tiền gửi VND	1.148.481.751	750.635.310
Tiền gửi USD	10.486.258	20.443.022
Tiền gửi EUR	-	1.621.093
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	3.745.962.380
Tổng cộng	14.104.905.201	4.565.633.783
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	121.759.051.102	122.247.700.402
a. Phải thu khách hàng	121.759.051.102	122.247.700.402
- Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ	39.160.533.386	41.178.463.390
- Ban QLDA đầu tư XD Trụ sở Bộ ngoại giao	33.317.413.727	34.642.762.896
- Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	6.297.754.311	6.297.754.311
- Công ty cổ phần Lideco-1	3.484.745.550	7.886.739.150
- BQL DA239/05-Tổng cục Hậu cần - BCA	-	5.194.766.332
- Công ty cổ phần Lisemco	1.403.263.620	-
- Công ty TNHH DV kỹ thuật và TM Thăng Long	847.114.805	3.721.179.540
- Ban Quản Lý Dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên	898.090.790	898.090.790
- Fonko Polska SP Z.o.o	672.093.057	672.093.057
- AmCan CoLor CoaTing IndusTries SDNBHD	500.743.598	500.743.598
- Công ty CP gang thép Thái nguyên	3.799.556.749	3.799.556.749
- Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ	1.482.383.000	1.482.383.000
- Tổng Công ty - Ctr Bộ Công An	9.550.966.072	10.550.966.072
- Tổng Công ty - Ctr Nhiệt điện án Độ	10.282.285.778	-
- Tổng Công ty - Ctr Nhiệt điện Uông Bí	1.995.871.006	-
- Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC- phí quản lý, phí bảo lãnh	1.676.298.312	-
- Phải thu khách hàng khác	6.389.937.341	5.422.201.517
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.680.320.384	5.908.658.950
- Công ty TNHH Bê tông và XD Minh Đức	1.177.998.500	1.177.998.500
- Công ty TNHH Đầu tư và XD Nền móng Chương Dương	1.080.380.822	1.080.380.822
- Cty CP XD hạ tầng năng lượng Việt	682.655.400	-
- Công ty CP CN điện tử Viễn thông tự động hoá	501.754.742	541.016.509
- Công ty cổ phần bảo trì lò Việt Nam	456.000.000	456.000.000
- Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC	961.197.165	-
- Công ty TNHH xây dựng và DVTM Hiệu Thắng	986.045.043	986.045.043
- Công ty xây dựng Minh Hoàng	548.470.000	548.470.000
- Trả trước cho người bán khác	2.285.818.712	1.118.748.076

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	768.134.546	-	656.777.561	-
- Tạm ứng	5.388.347.778	4.248.466.446	6.191.952.898	4.274.657.084
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.938.540.887	-	61.925.887	-
- Dự nợ phải trả khác	5.299.459.493	-	5.201.035.548	-
Cộng	13.394.482.704	4.248.466.446	12.111.691.894	4.274.657.084

Nợ xấu	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.	91.971.047.933	31.594.188.374	60.014.351.489	13.545.927.771
+ Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	39.160.533.387		41.178.463.390	7.114.779.131
+ Ban QLDA Nhà máy Xi măng Thái Nguyên	898.090.790		898.090.790	
+ Công ty CP kết cấu thép xây dựng Hà Nội	455.027.263		455.027.263	
+ Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	6.297.754.311	3.148.877.155		
+ Ban QLDA đầu tư Trụ sở Bộ ngoại giao	33.539.430.474	23.507.439.206		
+ Đối tượng khác	11.620.211.708	4.937.872.013	17.482.770.046	6.431.148.640
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.				
Cộng	91.971.047.933	31.594.188.374	60.014.351.489	13.545.927.771

Trong đó Giá trị có thể thu hồi được tính bằng (=) Giá gốc - giá trị đã trích lập dự phòng

Dự phòng phải thu khó đòi	64.625.326.005	46.468.423.718
Dự phòng phải thu khó đòi	60.376.859.559	42.193.766.634
Dự phòng tạm ứng	4.248.466.446	4.274.657.084

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Tài sản thiếu chờ xử lý		31/12/2016	31/12/2015
- Số dư chờ quyết toán công trình Gang thép Thái Nguyên		10.257.854.425	10.257.854.425
- Giá trị quyết toán bị cắt giảm của CT xi măng Phú Thọ		1.657.955.925	1.657.955.925
- Giá trị quyết toán bị cắt giảm của CT Bộ Công an		1.964.892.208	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý khác		11.169.862.186	11.169.862.186
Trong đó:			
<i>Công trình nhà máy bia Hà Nội tại Vĩnh Phúc</i>		4.384.952.549	4.384.952.549
<i>Công trình cồn rượu Hà Nội</i>		3.151.223.546	3.151.223.546
<i>Công trình Mese Hải Phòng</i>		997.104.678	997.104.678
<i>Công trình nhà máy Xi măng Thái Nguyên</i>		2.636.581.413	2.636.581.413
Cộng		25.050.564.744	23.085.672.536
Tổng cộng		233.509.744.939	209.822.147.500
3. Hàng tồn kho		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		<i>Giá gốc</i>	<i>Giá gốc</i>
		<i>Dự phòng</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	9.367.488.434	1.424.273.820	9.697.399.902
Công cụ, dụng cụ	58.050.357	-	66.653.394
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.802.577.770	-	19.138.979.019
Hàng gửi đi bán	4.067.539.302	-	-
Tổng cộng:	21.295.655.863	1.424.273.820	28.903.032.315
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
- Thuế xuất nhập khẩu	88.482.001	-	88.482.001
Tổng cộng:	88.482.001	-	88.482.001

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 52 Lĩnh Nam - P. Mai Động - Q. Hoàng Mai - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016	11.704.148.695	23.887.322.660	3.860.717.067	1.264.385.962	40.716.574.384		
Mua trong năm	-	35.000.000	-	-	35.000.000		
Giảm khác	(3.196.744.546)	(162.828.632)	-	-	(3.359.573.178)		
Số dư ngày 31/12/2016	8.507.404.149	23.759.494.028	3.860.717.067	1.264.385.962	37.392.001.206		
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016	3.901.250.555	21.062.764.578	3.619.744.165	1.264.385.961	29.848.145.259		
Khấu hao trong năm	664.175.630	643.001.148	113.664.475	-	1.420.841.254		
Nhận bàn giao từ Công ty	-	-	-	-	-		
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-		
Giảm khác	(1.587.301.522)	(199.300.566)	-	-	(1.786.602.088)		
Số dư ngày 31/12/2016	2.978.124.663	21.506.465.160	3.733.408.640	1.264.385.962	29.482.384.425		

Giá trị còn lại

Tại ngày 31/12/2016

Tại ngày 31/12/2016

7.802.898.140	2.824.558.082	240.972.902	1	10.868.429.125
5.529.279.486	2.253.028.868	127.308.427	-	7.909.616.781

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

6. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	409.567.407.411	378.896.601.677
- Dự án văn phòng làm việc, nhà hỗn hợp tại 52 Lĩnh Nam	408.949.350.515	378.278.544.781
- Dự án 120 Hoàng Hoa Thám	618.056.896	618.056.896
Tổng cộng	409.567.407.411	378.896.601.677

7. Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác	45.000.000.000	-	45.000.000.000	(1.682.219.926)
Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long (*)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	(1.682.219.926)
Đầu tư hợp tác kinh doanh vào Công ty CP Phú Hà (**)	2.489.571.119	-	-	-
Tổng cộng	47.489.571.119	-	45.000.000.000	(1.682.219.926)

(*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long với tỷ lệ là 10,47% trên tổng vốn điều lệ 429.7500.000.000 đồng, tương ứng với 4.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

(**) Giá trị còn lại của tài sản cố định trên đất đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phú Hà.

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	250.497.424	32.712.104
- Chi phí trả trước dài hạn khác	278.948.636	840.682.362
Cộng	529.446.060	873.394.466

9. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	65.760.721.059	65.760.721.059	42.305.401.353	42.305.401.353
Tổng Cty (Lilama)	20.273.259.839	20.273.259.839	641.722.298	641.722.298
Công ty cổ phần Lideco-1	17.206.524.180	17.206.524.180	12.519.827.180	12.519.827.180
Công ty CP DV và SP Công nghiệp Quốc Tế	8.342.864.200	8.342.864.200	8.342.864.200	8.342.864.200
Công ty gang thép Thái nguyên	3.017.241.486	3.017.241.486	3.017.241.486	3.017.241.486
Tổng công ty Mía đường I	1.657.220.000	1.657.220.000	1.657.220.000	1.657.220.000
Công ty cổ phần xây dựng Lạc Hồng	1.555.488.526	1.555.488.526	1.555.488.526	1.555.488.526
Công ty TNHH Becker industrial	1.525.360.037	1.525.360.037	1.525.360.037	1.525.360.037
C.ty CP đầu tư và phát triển đô thị	828.693.477	828.693.477	828.693.477	828.693.477
Công ty cổ phần vật liệu mới Việt	813.649.600	813.649.600	813.649.600	813.649.600
Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ	751.989.940	751.989.940	-	-
Công ty cổ phần khí công nghiệp Việt Nam	683.670.925	683.670.925	683.670.925	683.670.925
Công ty phát triển hạ tầng	657.844.068	657.844.068	657.844.068	657.844.068
Công ty cổ phần HACISCO	653.865.853	653.865.853	653.865.853	653.865.853

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

<i>Công ty cổ phần Lilama thí nghiệm cơ điện</i>	578.580.743	578.580.743	586.711.000	586.711.000
<i>Công ty TNHH sản xuất XD & thương mại Trường Phú</i>	556.811.819	556.811.819	556.811.819	556.811.819
<i>Công ty TNHH không gian Việt</i>	507.298.436	507.298.436	507.298.436	507.298.436
<i>Công ty TNHH Sơn Dương</i>	452.119.114	452.119.114	452.119.114	452.119.114
<i>Nhà cung cấp khác</i>	5.698.238.816	5.698.238.816	7.305.013.334	7.305.013.334
Tổng cộng	65.760.721.059	65.760.721.059	42.305.401.353	42.305.401.353
10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>			476.324.828.222	454.749.051.176
<i>Công ty Cổ phần Phú Hà</i>			9.171.498.858	10.000.000.000
<i>Công ty CP gang thép Thái Nguyên</i>			12.998.581.844	12.998.581.844
<i>Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam</i>			33.665.937.425	35.568.831.437
<i>Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây dựng NHS</i>			6.280.000.000	6.280.000.000
<i>Công ty cổ phần SILKROAD Hà Nội</i>			4.821.991.020	-
<i>Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC</i>			1.571.308.097	603.640.417
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác</i>			407.815.510.978	389.297.997.478
Trong đó:				
<i>Người mua căn hộ trả tiền trước</i>			406.303.404.785	388.792.141.285
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	31/12/2016	Số đã thực nộp	Số phải nộp	31/12/2015
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Thuế GTGT	5.379.082.424	15.390.540.428	210.111.503	20.559.511.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.017.595.272	84.664.207	175.112.635	7.927.146.844
Thuế thu nhập cá nhân	115.401.209	55.000.000	18.857.150	151.544.059
Thuế thuê đất, thuế nhà đất	28.391.477.840	441.151.281	188.153.600	28.644.475.521
Các loại thuế khác	51.397.072.671	24.714.662	6.967.800.877	44.453.986.456
Các khoản phải nộp khác	10.379.420.443	3.221.294.721	13.600.715.164	-
Cộng:	103.680.049.859	19.217.365.299	21.160.750.929	101.736.664.229
12. Chi phí phải trả ngắn hạn			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả			17.951.485.726	3.158.101.053
<i>Lãi vay cá nhân</i>			5.437.881.221	3.158.101.053
<i>Lãi vay phải trả ngân hàng NN và PTNT - Láng Hạ</i>			3.323.682.301	-
<i>Lãi vay phải trả Công ty mua bán nợ (DATC)</i>			9.189.922.204	-
Chi phí trích trước của các công trình			-	1.602.372.899
Chi phí phải trả khác (thuê cơ sở hạ tầng)			6.129.639.382	6.175.093.927
Tổng cộng:			24.081.125.108	10.935.567.879

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

13. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	1.525.780.059	1.522.051.099
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	5.699.373.938	8.955.478.271
Các khoản phải trả, phải nộp khác	145.885.628.443	136.015.678.105
Dư có tài khoản tạm ứng	11.910.599.244	12.777.209.917
Lãi vay Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (*)	34.687.139.168	34.880.376.692
Lãi vay phải trả Ngân hàng	62.466.729.189	52.762.030.223
Lãi vay phải trả Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (*)	20.807.879.113	20.807.879.113
Công ty TNHH Quản lý bất động sản Thế Kỷ	4.372.905.000	4.372.905.000
Lê Anh Tuấn	3.039.235.741	3.039.235.741
BHXH Hoàng Mai	3.097.030.447	205.551.878
Phải trả phải nộp khác	5.444.055.767	7.110.434.767
Phải thu khác (dư có)	60.054.774	60.054.774
Trong đó:		
Phải trả cho khách hàng khối nhà nâng tầng không ký hợp đồng vay vốn	4.604.800.000	6.312.000.000
Tổng cộng	153.110.782.440	146.493.207.475

(*) Theo Công văn số 2093/TCT-TCKT ngày 28/10/2015 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, Tổng Công ty bàn giao một phần nợ lãi vay sang cho Công ty mua bán nợ Việt Nam với số tiền là 19.177.061.816 đồng.

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016 VND	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015 VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	44.429.040.481	1.321.394.584	2.273.177.045	45.380.822.942
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Hà Nội(*)	-	1.321.394.584	2.220.177.045	898.782.461
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	10.968.396.011	-	-	10.968.396.011
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam(**)	25.592.924.025	-	-	25.592.924.025
Vay cá nhân khác	6.523.172.500		53.000.000	6.576.172.500
Vay của khách hàng mua nhà phần nâng tầng 52 Lĩnh Nam	1.344.547.945			1.344.547.945
b) Vay dài hạn đến hạn trả	100.706.444.014	-	-	100.706.444.014
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công	30.211.933.204	-		30.211.933.204
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (**)	70.494.510.810	-		70.494.510.810
c) Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	145.135.484.495	1.321.394.584	2.273.177.045	146.087.266.956

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

(*) Hợp đồng tín dụng số 1500LDV201502888/HĐTĐ ngày 19/6/2015. Hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ công trình Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn theo hợp đồng số 301214/Lilama-LI.HN ngày 09/01/2015. Thời hạn cho vay tối đa 3 tháng theo từng lần nhận nợ. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của bên thứ 3.

(**) Số dư nợ gốc vay Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam bàn giao cho DATC theo Công văn số 2093/TCT-TCKT ngày 28/10/2015 về việc "Bàn giao chủ sở hữu vốn và nợ của Lilama cho DATC" căn cứ vào Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty mẹ.

15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016 VND	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2016 VND
a) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
Vay dài hạn	127.506.993.653	-	-	127.506.993.653
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Láng Hạ (*)	127.506.993.653	-	-	127.506.993.653
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	127.506.993.653	-	-	127.506.993.653

16. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	24.250.520.121	(547.159.607.558)	(422.909.087.437)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	52.000.000	52.000.000
Lỗi trong năm trước	-	-	(20.446.725.361)	(21.537.670.583)
Giảm khác	-	-	(1)	(1)
Số dư tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	24.250.520.121	(567.554.332.920)	(443.303.812.799)
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ	-	-	(46.052.832.689)	(46.052.832.689)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>100.000.000.000</u>	<u>24.250.520.121</u>	<u>(613.607.165.609)</u>	<u>(489.356.645.488)</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV(*)		-
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam(*)	49.970.000.000	49.970.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	50.030.000.000	50.030.000.000
Cộng	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

d) Cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.524.960.645	55.732.881.161
Doanh thu hoạt động khác	2.787.807.402	906.715.447
Tổng cộng	34.312.768.047	56.639.596.608
18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu thuần đồng xây dựng	31.524.960.645	55.732.881.161
Doanh thu thuần hoạt động khác	2.787.807.402	906.715.447
Tổng cộng	34.312.768.047	56.639.596.608
19. Giá vốn hàng bán	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	23.246.400.745	42.665.164.431
Giá vốn của hoạt động khác	1.416.436.359	609.892.727
Dự phòng bảo hành công trình	371.803.059	239.833.301
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.424.273.820
Tổng cộng	25.034.640.163	44.939.164.279
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	266.183.940	178.859.780
Tổng cộng	266.183.940	178.859.780
21. Chi phí tài chính	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.470.349.708	14.791.890.253
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.682.219.926)	6.521.101.408
Tổng cộng	21.788.129.782	8.270.788.845

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

22. Thu nhập khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định(*)	-	-
Lãi vay được Tổng Lilama giảm trừ	-	4.780.082.973
Các khoản thu khác	831.157.097	7.306.755.039
Tổng cộng	831.157.097	12.086.838.012
23. Chi phí khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ(*)	-	-
Các khoản bị phạt của thuế, chậm nộp bảo hiểm	6.757.419.187	7.568.244.760
Chi phí khác	5.022.211.515	11.603.297.689
	11.779.630.702	19.171.542.449
24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	21.260.953.352	16.970.524.188
a1) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	23.361.448.606	16.991.338.227
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	2.080.493.309	2.740.771.583
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	19.153.053.958	12.623.140.570
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác</i>	2.127.901.339	1.627.426.074
a2) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	2.100.495.254	20.814.039
<i>Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	996.151.670	20.814.039
<i>Khác</i>	1.104.343.584	-
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm hiện tại		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	(46.052.832.689)	(20.446.725.361)
+ <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh BĐS</i>		-
+ <i>Lợi nhuận từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	(46.052.832.689)	(20.446.725.361)
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>	7.931.959.227	-
Các khoản chi phí không được trừ (+)	7.931.959.227	-
Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	(38.120.873.462)	(20.446.725.361)
Thuế TNDN phải nộp của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ theo thuế suất thông thường (20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp của kinh doanh bất động sản	175.112.635	34.517.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong năm	175.112.635	34.517.620
<i>Thuế TNDN tạm nộp trong năm trên số tiền thu theo tiến độ của Dự án 52 Lĩnh Nam</i>	175.112.635	34.517.620
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	175.112.635	34.517.620

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

26. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	4.653.525.103	24.567.935.247
Chi phí nhân công	7.874.298.436	5.605.774.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.420.841.254	1.297.597.588
Chi phí dự phòng	18.074.270.134	14.266.433.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.165.681.118	12.018.608.934
Chi phí khác bằng tiền	15.934.349.957	2.334.860.774
Tổng cộng	49.122.966.002	60.091.210.841
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(46.052.832.689)	(20.446.725.361)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(243.629.710)	(243.629.710)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(46.296.462.399)	(20.690.355.071)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.630)	(2.069)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.160)	(4.833)

Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VII. Những thông tin khác

28. Công cụ tài chính

Quản lý vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản vay	272.642.478.148	273.594.260.609
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	14.104.905.201	4.565.633.783
Nợ thuần	258.537.572.947	269.028.626.826
Vốn chủ sở hữu	(489.356.645.488)	(443.303.812.799)
Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,53)	(0,61)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.104.905.201	4.565.633.783
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.153.533.806	134.359.392.296
Tổng cộng	149.258.439.007	138.925.026.079
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	272.642.478.148	273.594.260.609
Phải trả người bán và phải trả khác	218.871.503.499	188.798.608.828
Chi phí phải trả	24.081.125.108	10.935.567.879
Tổng cộng	515.595.106.755	473.328.437.316

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, tính tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.104.905.201	-	14.104.905.201
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.153.533.806	-	135.153.533.806
Tổng cộng	149.258.439.007	-	149.258.439.007
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	145.135.484.495	127.506.993.653	272.642.478.148
Phải trả người bán và phải trả khác	218.871.503.499	-	218.871.503.499
Chi phí phải trả	24.081.125.108	-	24.081.125.108
Tổng cộng	388.088.113.102	127.506.993.653	515.595.106.755
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	(238.829.674.095)	(127.506.993.653)	(366.336.667.748)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.565.633.783	-	4.565.633.783
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.359.392.296	-	134.359.392.296
Tổng cộng	138.925.026.079	-	138.925.026.079
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	146.087.266.956	127.506.993.653	273.594.260.609
Phải trả người bán và phải trả khác	188.798.608.828	-	188.798.608.828
Chi phí phải trả	10.935.567.879	-	10.935.567.879
Tổng cộng	345.821.443.663	127.506.993.653	473.328.437.316
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	(206.896.417.584)	(127.506.993.653)	(334.403.411.237)

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau này khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

30. Thông tin về các bên liên quan

30.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2016 VND
Vay dài hạn		
Lãi vay dự trả - Công ty mua bán nợ DATC	Cổ đông	9.189.922.204

30.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay dài hạn			
Công ty mua bán nợ (DATC)	Gốc vay	96.087.434.835	96.087.434.835
	Lãi vay phải trả	20.807.879.113	20.807.879.113
	Lãi vay dự trả	9.189.922.204	-

31. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(tiếp theo)

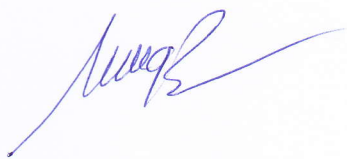
32. Thông tin về hoạt động liên tục

Tính đến 31/12/2016, số lỗ lũy kế của Công ty là gần 613 tỷ đồng gấp hơn 6 lần số vốn đầu tư của chủ sở hữu. Công ty đang gặp khó khăn trong vấn đề thu hồi công nợ và thanh toán các khoản nợ đến hạn, và các sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nêu trên cho thấy tại Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA HÀ NỘI

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Trang

Tổng giám đốc



Phạm Kiều Hưng